

HƯỚNG DẪN CÔNG TÁC PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Kính thưa quý thầy cô và các em sinh viên, tôi được phân công hướng dẫn tập huấn PCCC để hưởng ứng tháng ATVSLĐ và PCCC của khoa.

Sau đây tôi xin giới thiệu sơ lược về hệ thống PCCC của khoa như sau: khoa được trang bị tổng số 38 bình PCCC gồm các loại MFZ8 21 bình, MFZ4 4 bình, CO²MT5 11 bình, CO²MT2 2 bình được bố trí dọc theo hành lang của khoa và một máy bơm nước thì được đặt trong phòng PCCC ở tầng trệt bên tay trái của khoa tính từ cổng chính của khoa nhìn vào.

Như chúng ta đã biết khoa chúng ta không đủ lớn nên khoa chúng ta sử dụng vừa là phòng làm việc, phòng thí nghiệm, phòng máy tính và các phòng học cùng nằm trong khoa cho nên nguy cơ xảy ra cháy nổ rất là cao, cho nên hôm nay tôi xin giới thiệu cơ bản về công tác PCCC như sau:



Trước mặt chúng ta có hai loại bình chữa cháy :

Một là bình CO₂

Hai là bình bột

I.Cách sử dụng các loại bình chữa cháy như sau:

1. Bình khí CO₂: (bình cao, vòi loa kèn)

- Khi có sự cố cháy nhỏ trong khoa
- Tháo chốt an toàn và chạy đến nơi có cháy
- Đặt vòi phun ngay gốc lửa một góc 30 độ
- Bóp mạnh cần van liên tục đến khi dập tắt lửa.

2. BÌNH BỘT: (bình thấp, vòi phun nhỏ)

- Khi có sự cố cháy nhỏ trong khoa
- Cầm bình lên, sau đó trút ngược bình từ 2 đến 3 lần.
- Tháo chốt an toàn và chạy đến nơi có đám cháy
- Đặt vòi phun ngay gốc lửa một góc 30 độ
- Bóp mạnh cần van liên tục đến khi dập tắt lửa.

3. Vòi phun nước (chỉ sử dụng khi bình chữa cháy không dập tắt lửa)

- Vị trí: nằm ở phía 2 cầu thang thoát hiểm
- Mở cửa tủ
- Sau đó lấy cục lặn đồng thời ráp vào cuộc ống, mở van và kéo ống đến nơi có đám cháy.
- Đặt vòi phun ngay gốc lửa 30 độ
- Phun liên tục đến khi dập tắt đám cháy.

II. An toàn sử dụng điện trước khi ra khỏi phòng chúng ta:

- Tắt tất cả các thiết bị sử dụng điện khi trong phòng làm việc không có người như quạt, đèn, máy lạnh, máy tính...
- Khi có sự cố cháy thì tắt cầu dao tổng ở từng tầng, cầu dao bên trái của khoa (tại các tầng) và bấm nút báo động tại các cầu thang thoát hiểm.
- Nghiêm cấm: đầu thêm thiết bị sử dụng điện tại các tầng, không nấu nước, thức ăn trong phòng làm việc.

III. Cách hướng dẫn thoát nạn:

Khi có sự cố cháy mà tại khoa có đông người thì chúng ta phải thực hiện:

- Mở tất cả các cửa lối ra và yêu cầu mọi người bình tĩnh.
- Hướng dẫn mọi người thoát nạn theo hướng không có đám cháy và theo lối cầu thang thoát hiểm.
- Sơ cấp cứu người bị thương và bảo vệ hiện trường.

** Các công tác nêu trên phải tiến hành đồng thời với công tác chữa cháy.

** Nếu đám cháy quá lớn thì gọi 114 và tổ bảo vệ trường theo số: 02923781781.

Những điểm giống và khác nhau giữa bình chữa cháy bột và CO2



Bột

CO2

Bình chữa cháy bột và khí CO2

1. ĐIỂM GIỐNG NHAU

- Thiết bị phòng cháy chữa cháy được dùng để dập tắt hoặc kiểm soát các đám cháy nhỏ, trong các tình huống khẩn cấp.
- Hiệu quả cao chữa cháy tại chỗ. (VD: địa điểm không có lối thoát hiểm, khói, nguy cơ phát nổ,...).

- Cấu tạo chung gồm 3 phần: thân bình màu đỏ, van áp suất trên miệng bình và loa phun.
- Cách thức chữa cháy: Điều sử dụng nguyên lý chữa cháy chung là dùng khí CO₂ làm loãng không khí đang cháy, khiến cho đám cháy nhỏ dần và tắt hẳn.
- Chất chữa cháy không độc, vô hại đối với người, gia súc và môi trường xung quanh.
- Nhiệt độ bảo quản chung của 2 bình dạng bột và CO₂ đều từ (-10) – (+50) độ C.

2. ĐIỂM KHÁC NHAU

	BÌNH BỘT MFZ	BÌNH KHÍ CO ₂
Chất chữa cháy	– Bột màu trắng, khô, NaHCO ₃ tỉ lệ trên 80%	– Khí CO ₂ nén lỏng ở nhiệt độ cực thấp.
Cấu tạo (cùng thể tích)	– Vỏ bình mỏng, áp suất vừa, khối lượng nhẹ.	– Vỏ bình rất dày, áp suất nén cao, khối lượng lớn.
Nguyên lý hoạt động	– Tác dụng cộng với đám cháy, sinh khí CO ₂ , kìm hãm nguồn cấp ngọn lửa.	– Tác dụng trừ đám cháy, trực tiếp khí CO ₂ . Làm loãng nồng độ Oxy, giảm nhiệt mạnh đám cháy.
Khả năng chữa cháy	– Các đám cháy: A, B, C, D, K	– Các đám cháy: A, D, C,
Tác dụng với môi trường	– Có, để lại bột NaHCO ₃	– Không (rất ít, chất khí sẽ tan ngay sau khi sử dụng)
Tác dụng với người	– Ít gây nguy hiểm nhiều.	– Cực nguy hiểm (bong lạnh, nhiệt độ có thể xuống: -79 độ C)



A. Gỗ, vải...



B. Xăng, dầu...



C. Điện



D. Kim loại dễ cháy K. Dầu, mỡ nhà bếp





CHỨC NĂNG CỦA BẢNG ĐIỀU KHIỂN (PANEL FUNCTION)

Đèn tại vị trí “**MAIN HEALTHY**” sáng báo hiệu thiết bị đang hoạt động.

Chuông báo:

Là nơi nhận tín hiệu báo cháy “**Zone Fire**”. Khi có sự cố cháy xảy ra tại vị trí Zone nào thì đèn và chuông tại vị trí Zone đó sẽ báo.

Tại mỗi mạch đều có 3 đèn trạng thái và 1 nút kiểm tra lỗi chạm mạch, hở mạch, ngắn mạch. Bật công tắc điều khiển và nút kiểm tra tại một Zone bất kì để kiểm tra hệ thống báo cháy tại Zone đó.

Tắt âm báo:

Khi có sự cố cháy hoặc lỗi xảy ra, bộ điều khiển sẽ phát ra âm thanh cảnh báo. Bấm nút “**BUZZER MUTE**” để tắt âm cảnh báo.

Khi có sự cố cháy hoặc lỗi xảy ra, thì chuông tại vị trí xảy ra sự cố sẽ báo. Bấm nút “**BELL ISOLATE**” để tắt chuông.

Khi có sự cố cháy hoặc lỗi xảy ra, thì các tiếp điểm “**C.NO**” sẽ được kết nối. Bấm nút “**AUX ISOLATE**” để ngắt kết nối.

Khi có sự cố cháy hoặc lỗi xảy ra, bộ điều khiển sẽ khóa trạng thái của đèn báo cháy, âm thanh cảnh báo, chuông báo, tiếp điểm “**C.NO**” tại vị trí đó. Bấm nút “**NON-LATCHING**” để mở khóa.

Khi dò được tín hiệu báo cháy, các đơn vị sẽ tự động thiết lập lại chức năng dò tìm. Nếu nhận được tín hiệu cháy trong 45 giây, bộ điều khiển sẽ xác nhận tín hiệu. Chức năng này để ngăn chặn báo động giả. Bấm nút “**SELF RESET**” để bỏ chức năng này.

Bấm “**RESET**” để thiết lập lại hệ thống.

Tất cả các mạch dò tìm nên được kết nối với một thiết bị đầu cuối có điện trở 10KΩ.

SND1 và **SND2** nên được kết nối với một thiết bị đầu cuối có điện trở 10KΩ.

Chú thích:

ZONE FIRE: tín hiệu đèn chỉ vị trí xảy ra cháy.

ZONE O/C FAULT: tín hiệu đèn báo mạch dò tại vị trí xảy ra cháy đã bị chạm.

ZONE S/C FAULT: tín hiệu đèn báo mạch dò tại vị trí xảy ra cháy đã bị ngắn mạch.

CHARGER FAULT: đèn báo pin sạc không bình thường.

BATTERY FAULT: đèn flash báo lỗi pin.

COMMON O/C FAULT: đèn flash báo tìm thấy mạch bị đứt tại vị trí xảy ra cháy.

SOUNDER O/C: đèn báo dây nối với chuông báo bị hở mạch.

SOUNDER S/C: đèn báo dây nối với chuông báo bị ngắn mạch.

SƠ ĐỒ KẾT NỐI ZONE	
ZONE 1	Tầng Trệt: P:111; P:112
ZONE 2	Tầng 1 (Bên phải) P:206; P:207; P:208; P:209; P:210; P:211; P:212; P:213; P:214; P:215
ZONE 3	Tầng 1 (Bên Trái) P:201; P:202; P:203; P:204; P:205; P:216; P:217; P:218; P:219
ZONE 4	Tầng 2 (Bên phải) P:301; P:304; P:305; P:306; P:316
ZONE 5	Tầng 2 (Bên Trái) P:307; P:308; P:309; P:310; P:3111; P:312; P:3113; P:3114

Cần Thơ, ngày 09 tháng 12 năm 2021

Người hướng dẫn

Nguyễn Thành Trung